

MOTIVATING THE INTERNATIONAL PUBLICATION OF SCOPUS/WOS FOR UNIVERSITY LECTURERS IN VIETNAM TODAY

Ngo Thi Tan Huong, Duong Thi Huong*

TNU - University of Economic and Business Administration

ARTICLE INFO

Received: 08/03/2025

Revised: 28/04/2025

Published: 30/04/2025

KEYWORDS

Scientific research
Create motivation for scientific research
International publication
Scopus/WoS publication
Lecturer
Higher education institution

ABSTRACT

Scientific research is one of the important tasks of lecturers at higher education institutions. Internationally published scientific research works indexed in Scopus/WoS journals are one of the important bases for evaluating the duties of lecturers according to regulations, are the criteria for the State Council of Professors to consider and recognize meeting the standards of Associate Professor and Professor titles annually, and are the criteria for ranking universities in the domestic, regional and international higher education system. The article uses statistical, descriptive, synthetic, and logical-historical research methods to study the motivation for Scopus/WoS international publication for university lecturers in Vietnam today. Within the scope of research, the article clarifies a number of theoretical issues, analyzes the current situation and proposes some basic solutions to create motivation for Scopus/WoS international publication for university lecturers in Vietnam today, contributing to raising the position of higher education institutions in Vietnam today in the regional and international scope.

TẠO ĐỘNG LỰC CÔNG BỐ QUỐC TẾ SCOPUS/ WOS ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Ngô Thị Tân Hương, Dương Thị Hương*

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 08/03/2025

Ngày hoàn thiện: 28/04/2025

Ngày đăng: 30/04/2025

TỪ KHÓA

Nghiên cứu khoa học
Tạo động lực nghiên cứu khoa học
Công bố quốc tế
Công bố Scopus/WoS
Giảng viên
Cơ sở giáo dục đại học

TÓM TẮT

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học. Các công trình nghiên cứu khoa học công bố quốc tế lập chỉ mục trong các tạp chí thuộc Scopus/WoS là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá nhiệm vụ của giảng viên theo quy định, là tiêu chí để Hội đồng Giáo sư nhà nước xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư và Giáo sư hàng năm, là tiêu chí xếp hạng các trường đại học trong hệ thống giáo dục đại học trong nước, khu vực và quốc tế. Bài báo sử dụng các phương pháp nghiên cứu thống kê, mô tả, phân tích tổng hợp, logic – lịch sử nhằm nghiên cứu về tạo động lực công bố quốc tế Scopus/WoS đối với giảng viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay. Trong phạm vi nghiên cứu, bài báo làm rõ một số vấn đề lý luận, phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp cơ bản về tạo động lực công bố quốc tế Scopus/WoS đối với giảng viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay, góp phần nâng tầm vị thế của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay trong phạm vi khu vực và quốc tế.

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12248>

* Corresponding author. Email: dthuong@tueba.edu.vn

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0, vai trò của khoa học công nghệ (KHCN) trở thành nhân tố then chốt đối với sự tăng trưởng kinh tế và sự phát triển bền vững của quốc gia. Từ đó, các cơ sở giáo dục đại học cần phải thực sự trở thành trung tâm nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao KHCN, đóng vai trò chính trong mặt trận KHCN. Đội ngũ giảng viên (GV) tại các trường đại học phải thực sự là lực lượng nòng cốt để thực hiện các nhiệm vụ KHCN đó. Nghiên cứu liên quan đến tạo động lực nghiên cứu khoa học (NCKH) nói chung và tạo động lực NCKH cho GV các cơ sở giáo dục đại học được bàn đến trong một số công trình sau: “*Tạo động lực lao động cho GV đại học trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học*” [1]; “*Tổng quan về động lực làm việc của giảng viên đại học*” [2]; “*Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên đại học quốc gia Hà Nội*” [3]; “*Động lực NCKH của GV trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*” [4]; “*Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực NCKH của GV trường Đại học Tổng hợp Hà Nội*” [5]; “*Động lực NCKH của GV dựa trên lý thuyết nhu cầu mở rộng của Maslow*” [6]; “*Thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của GV Đại học Huế*” [7]; “*Động lực NCKH của GV - Yếu tố tác động*” [8]; “*Tác động của động lực nghiên cứu khoa học đến năng lực nghiên cứu của giảng viên các trường đại học tại Hà Nội*” [9].

Các công trình đã nghiên cứu làm rõ một số lý thuyết về động lực và tạo động lực làm việc, từ đó nghiên cứu, phân tích và xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu về động lực NCKH cho các GV ở các cơ sở giáo dục đại học nói chung và một số trường đại học trên phạm vi cả nước nói riêng. Trong công trình nghiên cứu “*Động lực NCKH của GV trường đại học Công nghiệp Hà Nội*” [4], các tác giả đã chỉ ra những động lực cơ bản đối với việc phát triển năng lực NCKH, nâng cao chất lượng công bố khoa học của GV như: sự thích thú NCKH, nhu cầu tự thân, nhận thức về khả năng NCKH của bản thân. Trong công trình “*Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực NCKH của GV trường Đại học tổng hợp Hà Nội*” [5], các tác giả đã chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến động lực NCKH của GV bao gồm: năng lực chuyên môn của GV, các vấn đề xã hội của GV, môi trường NCKH của trường, sự hỗ trợ của nhà trường cho hoạt động NCKH và nhận thức của GV về NCKH. Tác giả Huỳnh Nhật Nghĩa [8] nêu ra các yếu tố ảnh hưởng đến động lực NCKH của GV, bao gồm: đam mê NCKH, năng lực cá nhân, nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, chính sách và chế độ NCKH, môi trường NCKH.

Trong phạm vi bài báo này, nhóm tác giả đi sâu nghiên cứu một số vấn đề lý luận về tạo động lực công bố quốc tế Scopus/WoS đối với GV tại các cơ sở giáo dục đại học, nghiên cứu, phân tích đánh giá thực trạng tạo động lực công bố quốc tế Scopus/WoS đối với GV tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay, đồng thời đề xuất một số giải pháp tạo động lực công bố quốc tế Scopus/WoS đối với GV tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu thống kê, mô tả, phân tích tổng hợp, logic – lịch sử, quy nạp và diễn dịch, nghiên cứu có hệ thống một số vấn đề lý luận, thực trạng và đề xuất một số giải pháp về tạo động lực công bố quốc tế Scopus/Wos đối với GV các trường đại học ở Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1. Một số vấn đề lý luận về tạo động lực công bố quốc tế Scopus/Wos đối với giảng viên các trường đại học ở Việt Nam

** Động lực và tạo động lực công bố quốc tế Scopus/WoS của GV các trường đại học*

Trong nghiên cứu của Guay và cộng sự [10], động lực bàn đến là “lý do cơ bản của hành vi”. Các tác giả Broussard và Garrison [11] định nghĩa động lực là “thuộc tính cá nhân thúc đẩy chúng ta làm hoặc không làm điều gì đó”. Nguyễn Văn Diễm và cộng sự [12, tr. 134], quan niệm “Động lực là sự khát khao và tự nguyện của người lao động để tăng cường nỗ lực nhằm hướng tới việc đạt

mục tiêu của tổ chức”. Trong “Giáo trình hành vi tổ chức”, các tác giả Bùi Anh Tuấn và Phạm Thủy Hương [13, tr. 85] đưa ra quan niệm cho rằng “Động lực là những nhân tố bên trong kích thích con người tích cực làm việc trong điều kiện cho phép tạo ra năng suất và hiệu quả cao. Biểu hiện của động lực là sẵn sàng, nỗ lực, say mê làm việc nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức cũng như bản thân người lao động”. Trong nghiên cứu trên, các tác giả đã thống nhất động lực được hiểu là sự tự nguyện, khát khao, cố gắng làm việc nhằm đạt mục tiêu cá nhân và mục tiêu của tổ chức.

Như vậy, *động lực làm việc được hiểu là nhân tố bên trong tạo ra sự kích thích, khuyến khích người lao động hình thành động cơ và hành động tích cực, sáng tạo nhằm đạt được mục tiêu và hoàn thành nhiệm vụ được giao ở vị trí việc làm nhất định.*

Công bố quốc tế là kết quả từ hoạt động NCKH của GV được đăng tải trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus/WoS. Các tạp chí thuộc danh mục Web of Science (WoS), còn được gọi là ISI, được rộng rãi thừa nhận và sử dụng để đánh giá chất lượng của các tạp chí khoa học. Từ những năm 1960, ISI chỉ bao gồm SCI (Science Citation Index), sau đó được mở rộng thành SCIE (Science Citation Index Expanded). Hiện nay, WoS-ISI bao gồm thêm SSCI (Social Science Citation Index), A&HCI (Arts & Humanities Citation Index), và gần đây nhất là ESCI (Emerging Sources Citation Index). Để kiểm tra tạp chí có thuộc danh mục SCIE/SCI, SSCI, AHCI, ESCI hay không, nhà khoa học có thể vào link <http://mjl.clarivate.com/> và tìm kiếm theo tên tạp chí hoặc số P-ISSN của tạp chí. Nếu không có kết quả tìm kiếm phù hợp, tức là tạp chí đó không nằm trong WoS-ISI. Các tạp chí thuộc danh mục SCIE/SCI hoặc SSCI mới có Impact Factor (IF). Chỉ số này của các tạp chí được cập nhật hàng năm trong Journal Citation Reports. Chỉ số IF càng cao thì được hiểu là chất lượng của tạp chí đó càng tốt.

Các tạp chí thuộc danh mục Scopus được xây dựng từ tháng 11 năm 2004 và thuộc sở hữu của Nhà xuất bản Elsevier (Hà Lan). Bên cạnh WoS-ISI, Scopus cũng là một danh mục được sử dụng rộng rãi để đánh giá chất lượng các tạp chí khoa học. Để kiểm tra tạp chí có thuộc danh mục Scopus hay không, nhà khoa học có thể vào link <https://www.scopus.com/sources> và tìm kiếm theo tên tạp chí hoặc số P-ISSN của tạp chí. Nếu không có kết quả tìm kiếm phù hợp, tức là tạp chí đó không nằm trong danh mục Scopus. Tạp chí khoa học (Journals) chỉ là một trong các sản phẩm khoa học thuộc danh mục Scopus bên cạnh Book Series, Conference Proceedings, Trade Publications. Nhà khoa học cần kiểm tra mục Source Type để đảm bảo tạp chí thuộc mục Journals. Với phạm vi bao phủ nội dung toàn diện, dữ liệu chất lượng cao và các công cụ phân tích, tìm kiếm chính xác, Scopus cung cấp CSDL trong phạm vi rộng và sâu cho các nhà nghiên cứu, thủ thư, quản lý nghiên cứu và các chuyên gia nghiên cứu với các thành quả vô cùng ấn tượng. Vào năm 2016, Scopus đã chính thức giới thiệu chỉ số CiteScore của riêng mình để đánh giá hiệu suất của tạp chí.

Khái niệm tạo động lực công bố quốc tế Scopus/WoS của GV các trường đại học được hiểu là hệ thống các biện pháp, chính sách và cách ứng xử của các cơ sở giáo dục đại học đối với các GV nhằm hình thành động cơ, kích thích sự nỗ lực cống hiến làm việc một cách tự nguyện, tích cực, trách nhiệm, sáng tạo và hiệu quả của GV trong hoạt động NCKH nhằm công bố các kết quả NCKH trên các tạp chí thuộc danh mục Scopus/WoS.

** Sự cần thiết tạo động lực công bố quốc tế Scopus/WoS đối với GV các trường đại học ở Việt Nam hiện nay*

Một là, công bố quốc tế Scopus/WoS đáp ứng yêu cầu, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với GV các trường đại học.

Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT [14, tr.2] quy định chế độ làm việc của GV các cơ sở giáo dục đại học ngày 27/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định “Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác”. Như vậy, tất cả các GV đều phải thực hiện NCKH theo quy định. Bên cạnh đó, Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT [15, tr. 4] ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học” ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định: “Số lượng công bố khoa học và công nghệ tính bình quân trên một GV toàn thời gian không thấp hơn 0,3 bài/năm; riêng đối với cơ sở giáo dục đại học có đào tạo tiến sĩ không phải trường đào

tạo ngành đặc thù, không thấp hơn 0,6 bài/năm, trong đó số bài có trong danh mục Web of Science (WoS) hoặc Scopus (có tính trọng số theo lĩnh vực) không thấp hơn 0,3 bài/năm”.

Hai là, công bố quốc tế Scopus/WoS đáp ứng tiêu chí xếp hạng các trường đại học trong hệ thống giáo dục đại học trong nước, khu vực và quốc tế. Trong thời gian gần đây, thành tựu về công bố khoa học của Việt Nam trên các tạp chí quốc tế uy tín ngày càng được quan tâm. Đã có nhiều kết quả thống kê và phân tích về vấn đề này tính đến cuối năm 2023. Các kết quả trên chủ yếu dựa vào CSDL Scopus và WoS hiện được xem là CSDL khoa học uy tín nhất trên thế giới. Ngoài ra, cũng đã có xếp hạng các Đại học Việt Nam về thành tựu bài báo khoa học theo Scopus và WoS.

Thông thường, các bảng xếp hạng đại học uy tín trên thế giới sử dụng thành tựu nghiên cứu của các đại học thông qua các CSDL WoS hay Scopus trong 05 năm gần nhất, như ARWU, US News, SCImago và URAP. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập và phát triển, việc đánh giá thành tựu theo từng năm hoặc từng năm học sẽ giúp cung cấp những thông tin cập nhật và hữu ích cho cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học và các cơ quan chủ quản giáo dục đại học, những người làm nghiên cứu và cả cộng đồng về thành tựu của giáo dục đại học. Nhờ đó, các cơ sở giáo dục đại học có thể kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh trong quản trị.

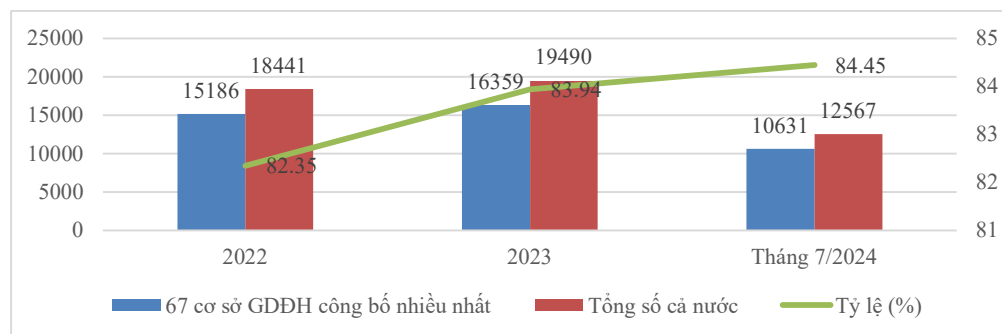
Ba là, đối với GV, các công bố quốc tế Scopus/WoS là cơ sở, tiêu chí để đánh giá năng lực NCKH của GV, đồng thời hiện nay đây là những tiêu chí cứng quan trọng để Hội đồng Giáo sư nhà nước xét các chức danh Phó giáo sư và Giáo sư hàng năm. Trên thực tế, nhiều cơ sở giáo dục đại học đã đưa tiêu chí về công bố quốc tế Scopus/WoS của giảng viên để tính khối lượng giờ NCKH, tiêu chuẩn xét thi đua hàng năm và tăng lương trước thời hạn. Trong Quyết định số: 37/2018/QĐ-TTg ban hành “quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét, hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư” ghi rõ: Đối với tiêu chuẩn chức danh giáo sư: “Ứng viên là tác giả chính đã công bố được ít nhất 03 bài báo khoa học hoặc (và) bằng độc quyền sáng chế; giải pháp hữu ích; tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế” [16, tr.5]; đối với tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư: “Ứng viên là tác giả chính đã công bố ít nhất 02 bài báo khoa học hoặc (và) bằng độc quyền sáng chế; giải pháp hữu ích; tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế” [16, tr.7]. Theo đó, trong Quyết định số: 25/QĐ-HĐGSNN phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm đến năm 2024 [17, tr.47], chú thích về các công bố quốc tế bao gồm “Web of Science uy tín” tạp chí “Quốc tế uy tín” “Danh mục tạp chí Web of Science khác, Scopus được tra cứu tại các website <https://mjl.clarivate.com>; <https://w.w.w.Scopus.com>”.

3.2. Thực trạng công bố quốc tế Scopus/WoS của giảng viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay

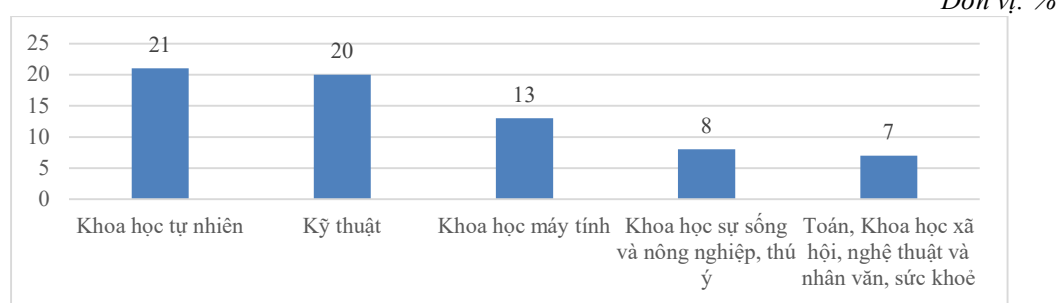
Thời gian qua, số lượng bài báo khoa học của Việt Nam (sau đây gọi chung là “công bố khoa học”) trên các tạp chí trong và ngoài nước gia tăng nhanh chóng. Đặc biệt, ngày càng có nhiều nhà khoa học Việt Nam công bố kết quả nghiên cứu trên những tạp chí nằm trong các cơ sở dữ liệu (CSDL) trích dẫn uy tín như Web of Science, Scopus. Điều này thể hiện sự nỗ lực, năng lực khoa học cũng như năng suất nghiên cứu của các nhà khoa học Việt Nam trong việc tham gia phát triển nền tri thức của nhân loại, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế trong NCKH, góp phần nâng cao vị thế và tiềm lực khoa học và công nghệ của quốc gia.

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, “số bài báo công bố trên các ấn phẩm Scopus trong cả nước năm 2022 là 18.441, năm 2023 là 19.441 và tính đến tháng 7 năm 2024 là 12.567” [18], (Hình 1).

Kết quả thống kê (Hình 1) cho thấy trong giai đoạn 2022-7/2024, công bố quốc tế thuộc danh mục tạp chí Scopus tính riêng của 67 cơ sở giáo dục đại học công bố nhiều nhất tăng 2,1%, chiếm 84,45% công bố quốc tế thuộc danh mục tạp chí Scopus trong cả nước. Các công bố khoa học tập trung trong các lĩnh vực về khoa học tự nhiên, kỹ thuật, khoa học máy tính, khoa học sự sống và nông nghiệp, thú y, toán, khoa học xã hội nghệ thuật và nhân văn, sức khỏe... (Hình 2).

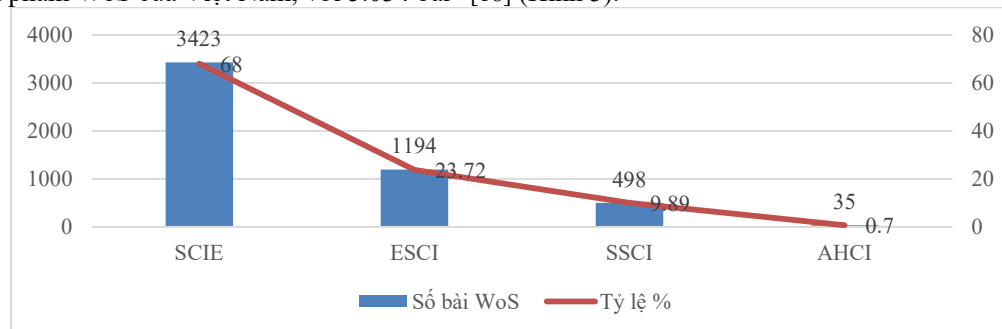


Hình 1. Công bố quốc tế Scopus của 67 cơ sở giáo dục đại học công bố nhiều nhất so với cả nước giai đoạn 2022-2024 [18]



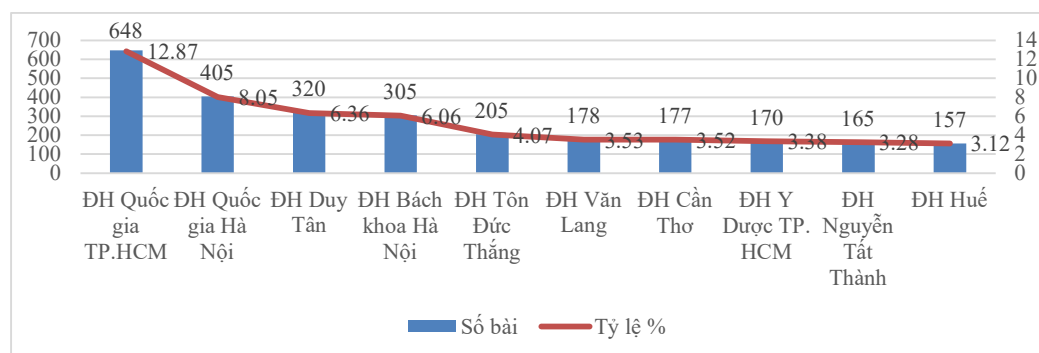
Hình 2. Một số lĩnh vực có công bố Scopus nhiều nhất của 67 cơ sở giáo dục đại học tính đến tháng 7/2024 [18]

Từ dữ liệu của Web of Science, một nghiên cứu phân loại bài báo khoa học theo từng lĩnh vực và đưa ra kết quả thành tựu bài báo nghiên cứu chuẩn quốc tế của các trường đại học Việt Nam tính đến tháng 6/2024, “Việt Nam có 5.431 bài báo khoa học được ghi nhận bởi WoS, được phân thành 13 loại. Trong đó, bài báo khoa học thuộc loại nghiên cứu chiếm đa số (92,69%) trong các ấn phẩm WoS của Việt Nam, với 5.034 bài” [18] (Hình 3).



Hình 3. Công bố ấn phẩm WoS của Việt Nam tính đến tháng 6/2024 [19]

Tính đến tháng 6/2024, 10 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng có số lượng công bố quốc tế thuộc danh mục WoS ghi nhận bao gồm: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Duy Tân, Đại học Bách khoa Hà Nội, trường Đại học Tôn Đức Thắng, trường Đại học Văn Lang, Đại học Cần Thơ, trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học Nguyễn Tất Thành, và Đại học Huế (Hình 4). Theo số liệu thống kê cho thấy top 10 trường đại học trên có tổng số bài báo nghiên cứu chiếm 54,24% tổng số bài báo nghiên cứu của cả nước.



Hình 4. Top 10 cơ sở giáo dục đại học có công bố WoS của Việt Nam tính đến tháng 6/2024 [19]

Trong thời gian qua, công bố quốc tế của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam có xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ, đã góp phần quan trọng trong việc giúp các đại học của Việt Nam thăng hạng trên bản đồ giáo dục đại học quốc tế. Thành tựu đó là do GV được tạo động lực từ cơ chế, chính sách tự chủ đại học và chủ trương của Bộ giáo dục và Đào tạo trong phát triển hoạt động NCKH trong các cơ sở giáo dục đại học. Trong đó, việc tự chủ đại học được tăng cường, tăng quyền chủ động và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học trong mọi mặt hoạt động từ tài chính, nhân sự và chuyên môn học thuật đã góp phần đưa đến những bứt phá trong đào tạo và nghiên cứu, góp phần tạo ra diện mạo mới cho hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Đặc biệt từ năm 2017, khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số: 18/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ, trong đó, yêu cầu bắt buộc về việc phải có công bố quốc tế đối với người hướng dẫn, được quy định tại Điều 5 “là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus)” [20, tr.3] Điều này được đánh giá là một cú hích và buộc các nhà nghiên cứu Việt Nam phải nâng cao chất lượng, có công bố quốc tế, để hội nhập thế giới.

Đồng thời, nhằm khích lệ các trường đại học có nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí trong danh mục Scopus/WoS, hằng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo đều có quyết định khen thưởng cho các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ, có bài báo công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín. Cụ thể gần đây nhất là năm 2023 tại Quyết định số: 2157/QĐ-BGDĐT về việc thưởng bài báo được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục Web of Science năm 2022 [19]; Quyết định số 4555/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2023 ban hành Quy định thưởng cho công bố khoa học có giá trị, sáng chế, giải pháp hữu ích và giống cây trồng trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc [21]. Ngoài mức thưởng của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định, mỗi trường đại học lại có những cơ chế khác nhau để khích lệ hoạt động NCKH, công bố quốc tế trong đánh giá xếp loại viên chức, người lao động, cơ chế chính sách khen thưởng, vinh danh hằng năm, tăng lương trước thời hạn, tạo điều kiện về thời gian, môi trường, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ NCKH đối với các GV. Tuy nhiên, hiện nay trên thực tế, năm 2024 “còn tới 180 cơ sở giáo dục đại học trong nửa năm đầu chỉ có số lượng dưới 20 bài báo chuẩn WoS. Điều này cho thấy số lượng và chất lượng NCKH ở nhiều trường đang ở mức báo động” [19].

Đồng thời, hiện nay, các công bố quốc tế thường tập trung ở một số cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, các nhà khoa học có tiềm năng, năng lực NCKH ở các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, đã được xếp thứ hạng cao của cả nước. CSDL thông tin NCKH chưa được thực hiện mang tính hệ thống, nhằm tạo ra hệ thống dữ liệu tham khảo, tài liệu nghiên cứu trong các lĩnh vực đối với GV.

Cơ chế, chính sách tài chính đầu tư cho hoạt động NCKH, đổi mới sáng tạo của nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa tạo ra động lực cho đội ngũ GV “say mê” với hoạt động NCKH để có những kết quả nghiên cứu công bố quốc tế. Chính sách thu hút nhân tài đối với các nhà khoa học trong nước và nước ngoài, đặc biệt chế độ đãi ngộ với đội ngũ GV du học nước ngoài chưa thỏa

đáng, dẫn đến tình trạng “chảy máu chất xám” đối với đội ngũ GV hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài ở các cơ sở giáo dục đại học.

Thực tế, có nhiều GV không đạt số lượng công trình/năm do nhiều nguyên nhân như công trình nghiên cứu không cho ra kết quả, áp lực cơm áo gạo tiền khiến cho động lực nghiên cứu giảm đi. Bản thân nhiều GV tại các cơ sở giáo dục đại học còn chưa nhận thức đúng về công bố quốc tế, hạn chế về năng lực ngoại ngữ, kỹ năng, năng lực NCKH đáp ứng yêu cầu của các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus/WoS.

3.3. Một số giải pháp tạo động lực công bố quốc tế Scopus/WoS đối với giảng viên các trường đại học ở Việt Nam hiện nay

Một là, đổi mới công tác tài chính cho hoạt động KHCN, tăng cường đầu tư kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KHCN các cấp đặc biệt là nguồn kinh phí từ ngân sách. Xây dựng cơ chế đồng tài trợ của các Bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp trong và ngoài nước đối với các trường đại học để thực hiện các hợp đồng NCKH và chuyển giao công nghệ; hợp đồng cung cấp quy trình công nghệ mới.

Chính sách ưu đãi dành cho đơn vị nghiên cứu trọng điểm và nhóm nghiên cứu mạnh ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển, đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu phát triển phòng thí nghiệm cho nhóm nghiên cứu mạnh để thực hiện dòng sản phẩm KHCN.

Hai là, các cơ sở giáo dục đại học chú trọng phát triển hệ sinh thái đổi mới - sáng tạo, tập trung phát triển các Trung tâm đổi mới - sáng tạo thông qua phát triển doanh nghiệp KHCN (doanh nghiệp spin-off). Việc phát triển các tổ chức KHCN theo hình thức này giúp các nhà khoa học có sản phẩm KHCN tiềm năng có môi trường khởi nghiệp, chuyển giao sản phẩm, nghiên cứu ứng dụng gắn với nhu cầu của thị trường, xã hội.

Ba là, hình thành và xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh và đề xuất xây dựng các chương trình nghiên cứu phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đẩy mạnh việc ứng dụng đưa nhanh các kết quả nghiên cứu và phổ biến tri thức, công nghệ mới vào sản xuất phục vụ phát triển các doanh nghiệp và địa phương.

Bốn là, triển khai đồng bộ các biện pháp hỗ trợ tạo động lực NCKH cho đội ngũ GV bao gồm: Chính sách phát triển đội ngũ cán bộ khoa học thông qua triển khai Đề án Ươm tạo nhà khoa học trẻ; Chương trình học bổng cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ; Chính sách hỗ trợ tài chính đối với cán bộ khoa học trẻ có trình độ tiến sĩ... Tiếp tục triển khai một số giải pháp đột phá nhằm nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ nhà khoa học như: Triển khai có hiệu quả các giải pháp của Đề án phát triển đội ngũ nhà khoa học trình độ cao, đầu ngành; Áp dụng cơ chế tiếp nhận viên chức, tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt hoặc mời các nhà khoa học xuất sắc ở trong và ngoài nước về làm việc, đảm nhiệm các vị trí quản lý hoặc vị trí chuyên môn quan trọng ở các đơn vị; thu hút các nhà khoa học có trình độ cao về làm việc thông qua các chính sách kiến tạo môi trường giáo dục và NCKH chất lượng cao thông qua việc ban hành một số chính sách hỗ trợ GV, nghiên cứu viên góp phần thu hút các nhà khoa học, nhất là cán bộ khoa học trẻ có trình độ cao về làm việc; Thu hút, trọng dụng nhân tài, nhà khoa học xuất sắc ở trong và ngoài nước (bao gồm cả người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài), có mong muốn tham gia NCKH, đảm nhận các vị trí Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh ở các lĩnh vực KHCN.

Xây dựng chính sách khen thưởng và vinh danh các nhà khoa học, các GV có thành tích xuất sắc trong hoạt động KHCN, chuyển giao công nghệ.

Năm là, các cơ sở giáo dục đại học cần tăng cường đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, tạo điều kiện tiếp cận thông tin, CSDL về KHCN, dành nhiều kinh phí để đầu tư xây dựng phát triển thông tin thư viện số, hỗ trợ đường link hoặc gói truy cập một số trang dữ liệu khoa học có trả phí. Đồng thời, các trường đại học cần xây dựng và hình thành hệ thống CSDL thông tin KHCN để hỗ trợ GV trong việc cung cấp thông tin về các đề tài KHCN, về các chuyên gia đầu ngành, về quản lý các đề tài KHCN... Tạo điều kiện ưu tiên sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị dùng chung, đầu tư kinh phí thực hiện hiện quả các nhiệm vụ NCKH.

Sáu là, cơ sở giáo dục đại học phải xây dựng được văn hóa nghiên cứu. Cụ thể, văn hóa nghiên cứu trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm: điều kiện làm việc, phòng nghiên cứu cho GV; xây dựng cộng đồng giao lưu giữa các nhà khoa học trên thế giới; tổ chức hội thảo trao đổi và học tập kinh nghiệm. Từ đó, GV được phát triển đề tài, hợp tác doanh nghiệp, nhận nguồn đầu tư lớn hơn nhiều so với mức lương mà nhà trường chi trả. Việc xây dựng văn hóa làm việc, làm khoa học trong một cơ sở giáo dục đại học cần phải có thời gian và quyết liệt thực hiện vì mỗi khoa, đơn vị, GV lại có những thế mạnh, tiềm năng khác nhau. Song, để tạo dựng được văn hóa NCKH trong cơ sở giáo dục đại học thì tài chính phải đủ mạnh, hạ tầng nghiên cứu, cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu.

4. Kết luận

NCKH được coi là một trong những năng lực cốt yếu của GV các trường đại học. Những kết quả NCKH của GV là sợi dây liên hệ với thực tiễn góp phần quan trọng trong phát triển nền tảng chuyên môn của GV và nâng chất lượng giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Đặc biệt, các nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí quốc tế uy tín như Scopus/ WoS được coi là tiêu chí quan trọng trong đánh giá năng lực NCKH của GV, cũng như ảnh hưởng đến hình ảnh, thứ hạng của các cơ sở giáo dục đại học trong phạm vi cả nước, khu vực và quốc tế. Nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận, thực trạng về tạo động lực công bố quốc tế của GV ở các cơ sở giáo dục đại học, bài viết đã đề xuất một số giải pháp tạo động lực công bố quốc tế Scopus/WoS của GV ở các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục ở Việt Nam hiện nay gồm: các cơ sở giáo dục đại học chú trọng đổi mới công tác tài chính cho hoạt động KHCN, phát triển hệ sinh thái đổi mới - sáng tạo, hình thành và xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh, triển khai đồng bộ các biện pháp hỗ trợ tạo động lực NCKH cho đội ngũ GV, tăng cường đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và xây dựng được văn hóa nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. T. T. Nguyen, "Creating labor motivation for university teachers in the context of higher education innovation," *Vietnam Journal of Education*, no. 452, pp. 10-14, 2019.
- [2] D.T.T. Nguyen, K.M. Hoang, H.T. Nguyen, H.T. Tran, and H. T. T. Nguyen, "Overview of work motivation of university students," *Vietnam Journal of Education Sciences*, vol.18, no. 12, pp.6-11, 2022.
- [3] V. H. Do and T. H. Le, "Identifying factors affecting the scientific research capacity of lecturers at Hanoi National University," *Vietnam Journal of Education*, vol.22, no.13, pp.51-57, 2022.
- [4] T. T. Cao and M. T. N. Pham, "Scientific research motivation of lecturers at Hanoi University of Industry," *Journal of Science & Technology Hanoi University of Industry*, no. 44, pp. 126- 131, 2018.
- [5] T. T. Le, "Factors affecting the scientific research motivation of lecturers at Hanoi University," *VNU Journal of Science: Education Research*, vol. 36, no. 3, pp. 27-41, 2020.
- [6] T. T. K. Le and K. T. Bui, "Lecturers' scientific research motivation based on Maslow's expanded needs theory," *Journal of Science and Technology - Industrial University of HCMC*, no. 46, pp. 235- 248, 2020.
- [7] N. T. T. Phan, "Current status and solutions to improve the effectiveness of scientific research activities of Hue University lecturers," *Hue University Journal of Science*, vol. 68, pp. 67-78, 2011.
- [8] N. T. Huynh, "Lecturers' scientific research motivation - Impact factors," *Journal of Science and Technology - Binh Duong University*, vol. 05, no. 3, pp. 167-175, 2022.
- [9] T. N. Phan, L. V. Ta, V. Q. Nguyen, B. T. T. Dao, L. D. Ha, and T. X. Hoang, "The impact of scientific research motivation on the research capacity of university lecturers in Hanoi," *Vietnam Journal of Education*, vol. 22, no.9, pp.10-15, 2022.
- [10] F. Guay *et al.*, "Intrinsic, identified, and controlled types of motivation for school subjects in young elementary school children," *British Journal of Educational Psychology*, vol. 80, no. 04, pp. 711-735, 2010.
- [11] S. C. Broussard and M. E.B. Garrison, "The relationship between classroom motivation and academic

- achievement in elementary schoolaged children," *Family and Consumer Sciences Research Journal*, vol. 33, no. 2, pp. 106–120, 2004.
- [12] D. V. Nguyen and Q. N. Nguyen, *Human resource management textbook*, National Economics University Publishing House, 2007.
- [13] T. A. Bui and H. T. Pham, *Organizational behavior textbook*, National Economics University Publishing House, 2011.
- [14] Ministry of Education and Training, *Circular No. 20/2020/TT-BGĐT regulating the working regime of teachers at higher education institutions*, Hanoi, July 27, 2020.
- [15] Ministry of Education and Training, *Circular No. 01/2024/TT-BGĐT promulgating standards for higher education institutions*, Hanoi, February 5, 2024.
- [16] Prime Minister, *Decision No. 37/2018/QĐ-TTg Promulgating regulations on standards and procedures for considering recognition of qualifications and appointment to the titles of professor and associate professor; procedures for considering cancellation of recognition of titles and dismissal of titles of professor and associate professor*, Hanoi, August 31, 2018.
- [17] State Council of Professors, *Decision No. 25/QĐ-HĐGSNN Approving the List of scientific journals to be scored until 2024*, Hanoi, July 5, 2024.
- [18] People's Delegates electronic newspaper, "In 2024, will Vietnam surpass the milestone of 20,000 international publications?," 2024. [Online]. Available: <https://daibieunhandan.vn/nam-2024-lieu-viet-nam-co-vuot-moc-20-000-cong-bo-quoc-te-post383645.html>. [Accessed March. 8, 2025].
- [19] Q. My, "Which university has the most international standard research in the first 6 months of the year?," 2024. [Online]. Available: <https://thanhvien.vn/truong-dh-nao-co-nhieu-nghien-cuu-chuan-quoc-te-nhat-trong-6-thang-dau-nam-1852407250957429.htm>. [Accessed March. 8, 2025].
- [20] Ministry of Education and Training, *Circular No. 18/2021/TT-BGĐT Promulgating the Regulations on Doctoral Admissions and Training*, Hanoi, June 28, 2021.
- [21] Ministry of Education and Training, *Decision No. 2157/QĐ-BGĐT on rewarding articles published in prestigious international scientific journals in the WEB OF SCINCE list in 2022*, Hanoi, February 23, 2023.
- [22] Ministry of Education and Training, *Decision No. 4555/QĐ-BGDDT Regulations on rewards for valuable scientific publications, inventions, useful solutions and plant varieties in affiliated higher education institutions*, Hanoi, December 28, 2023.